

Concurrent
Sessions
4 Million

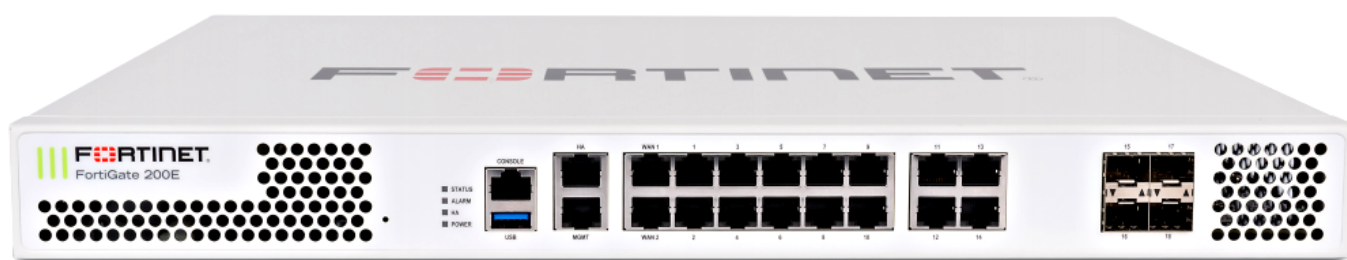
FortiGate® 300E Series

FortiGate 200E and 201E

Secure SD-WAN

Next Generation Firewall

Secure Web Gateway



Dòng sản phẩm FortiGate 300E cung cấp giải pháp SD-WAN tập trung vào ứng dụng, có thể mở rộng và bảo mật dữ liệu, cùng với thể hệ Firewall tiếp theo (NGFW), phù hợp cho các văn phòng, chi nhánh doanh nghiệp quy mô vừa và lớn, được triển khai ở các mạng Campus hoặc chi nhánh doanh nghiệp.

FortiGate 300E bảo vệ hệ thống mạng khỏi các mối đe dọa mạng bằng khả năng tăng tốc hệ thống trên chip cùng với công nghệ bảo mật hàng đầu SD-WAN. Đây là một giải pháp đơn giản, giá cả phải chăng và dễ triển khai.

Fortinet's Security-Driven Networking cung cấp khả năng tích hợp mạng của bạn với nền tảng bảo mật thế hệ mới

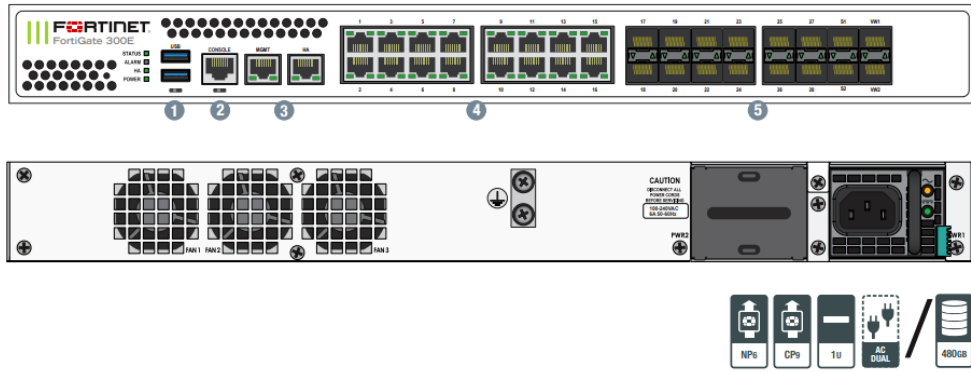
Tính năng nổi bật

- Số cổng: 18x GE RJ45 ports (including 1x MGMT port, 1x HA port; 16x switch ports) 16x GE SFP slots
- Local storage: 2x 240 GB SSD(310E)
- Firewall Throughput (1518/512/64 byte UDP): 32 / 32 / 20 Gbps
- IPsec VPN Throughput (512 byte): 20 Gbps
- IPSThroughput (Enterprise Mix): 5 Gbps
- NGFW Throughput (Enterprise Mix: 3.5 Gbps
- Threat Protection Throughput (Ent. Mix): 3 Gbps
- Firewall Latency: 3 μ s
- Concurrent Sessions: 4 Million
- New Sessions/Sec: 300,000
- Firewall Policy: 10000
- Max G/W to G/W IPSEC Tunnels: 2000
- Max Client to G/W IPSEC Tunnels: 52,000
- SSL VPN Throughput: 2.5 Gbps
- Concurrent SSL VPN Users (Recommended Maximum, Tunnel Mode): 5000
- SSL Inspection Throughput (IPS, avg. HTTPS): 3.9 Gbps
- Application Control Throughput (HTTP 64K): 7 Gbps

FORTINET

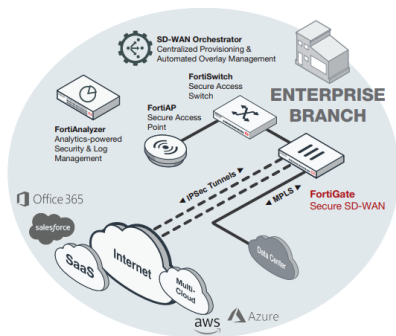
INTERCOM
Connect to Values

FortiGate 300E/301E

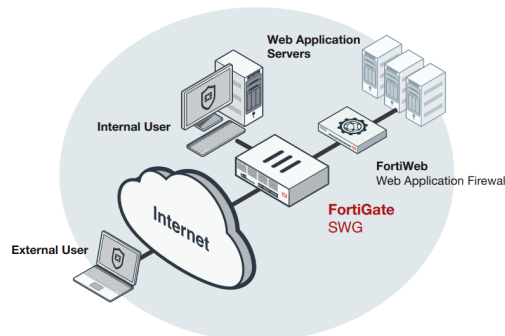


Interfaces

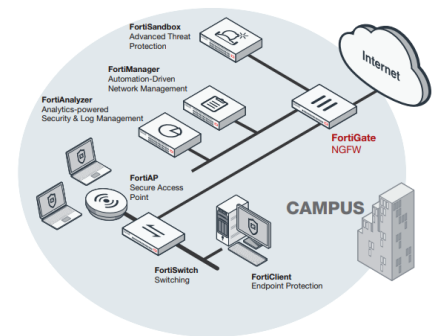
- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> 1. USB Port 2. Console Port 3. 2x GE RJ45 MGMT/HA Ports | <ul style="list-style-type: none"> 4. 16x GE RJ45 Ports 5. 16x GE SFP Slots |
|---|---|



FortiGate 300E deployment in Enterprise Branch (Secure SD-WAN)



FortiGate 300E SWG deployment



FortiGate 300E deployment in Campus (NGFW)

Bundles

	360 Protection	Enterprise Protection	UTM	Thread Protection
FortiCare	ASE ¹	24/7	24/7	24/7
FortiGuard App Control Service	●	●	●	●
FortiGuard IPS Service	●	●	●	●
FortiGuard Advanced Malware Protection (AMP) — Antivirus, Mobile Malware, Botnet, CDR, Virus Outbreak Protection and FortiSandbox Cloud Service	●	●	●	●
FortiGuard Web Filtering Service	●	●	●	
FortiGuard Antispam Service	●	●	●	
FortiGuard Security Rating Service	●	●		
FortiGuard Industrial Service	●	●		
FortiCASB IoT Detection Service ²	●	●		
FortiConverter Service	●	●		
IPAM Cloud ²	●			
SD-WAN Cloud Orchestrator Entitlement ²	●			
SD-WAN Cloud Assisted Monitoring	●			
SD-WAN Overlay Controller VPN Service	●			
FortiAnalyzer Cloud	●			
FortiManager Cloud	●			

1. 24/7 plus Advanced Services Ticket Handling 2. Available when running FortiOS 6.4

Thông số kỹ thuật

FORTIGATE 300E

FORTIGATE 301E

Hardware Specifications

GE RJ45 Interfaces	16	
GE SFP Slots	16	
GE RJ45 Management Ports	2	
USB Port	2	
RJ45 Console Port	1	
Local Storage	-	2 x 240 GB SSD
Included Transceivers	2 x SFP (SX 1 GE)	

System Performance — Enterprise Traffic Mix

IPS Throughput ²	5 Gbps
NGFW Throughput ^{2,4}	3.5 Gbps
Threat Protection Throughput ^{2,5}	3 Gbps

System Performance

IPv4 Firewall Throughput (1518/512/64 byte UDP packets)	32 / 32 / 20 Gbps
IPv6 Firewall Throughput (1518/512/64 byte UDP packets)	32 / 32 / 20 Gbps
Firewall Latency (64 byte UDP packets)	3 µs
Firewall Throughput (Packets Per Second)	30 Mbps
Concurrent Sessions (TCP)	4 Million
New Sessions/Second (TCP)	300,000
Firewall Policies	10,000
IPsec VPN Throughput (512 byte) ¹	20 Gbps
Gateway-to-Gateway IPsec VPN Tunnels	2000
Client-to-Gateway IPsec VPNTunnels	50,000
SSL-VPN Throughput	2.5 Gbps
Concurrent SSL-VPN Users (Recommended Maximum, Tunnel Mode)	5000
SSL Inspection Throughput (IPS, avg. HTTPS) ³	3.9 Gbps
SSL Inspection CPS (IPS, avg. HTTPS) ³	2,500
SSL Inspection Concurrent Session (IPS, avg. HTTPS) ³	340,000
Application Control Throughput (HTTP 64K) ²	7 Gbps
CAPWAP Throughput (HTTP 64K)	5 Gbps
Virtual Domains (Default/ Maximum)	10/10
Maximum Number of FortiSwitches Supported	72
Maximum Number of FortiAPs (Total/Tunnel Mode)	512 / 256
Maximum Number of FortiTokens	5000
High Availability Configurations	Active/Active, Active/Passive, Clustering

Dimensions and Power

Height x Width x Length (inches)	1.75 x 17.0 x 15.0	
Height x Width x Length (mm)	44.45 x 432 x 380	
Weight	16.1 lbs (7.3 kg)	16.6 lbs (7.6 kg)
Form Factor (supports EIA/non-EIA standards)	Rack Mount, 1 RU	
Power Consumption (Average / Maximum)	90W/173W	95W/180W
Power Input	100 - 240 V AC 50-60 Hz	
Current (Maximum)	6A	
Heat Dissipation	570 BTU/h 614 BTU/h	
Redundant Power Supplies (Hot Swappable)	Optional	

Environment and Certifications

Operating Temperature	32-104°F (0-40°C)
Storage Temperature	-31-158°F (-35-70°C)
Humidity	10-90% non-condensing
Noise Level	48 dBA
Operating Altitude	Up to 7,400 ft (2,250 m)
Compliance	FCC Part 15B, Class A, RCM, VCCI, CE, UL/cUL, CB
Certifications	ICSA Labs: Firewall, IPsec, IPS, Antivirus, SSL-VPN; USGv6/IPv6

Note: All performance values are “up to” and vary depending on system configuration.

1. IPsec VPN performance test uses AES256-SHA256.

2. PS (Enterprise Mix), Application Control, NGFW, and Threat Protection are measured with Logging enabled.

3. SSL Inspection performance values use an average of HTTPS sessions of different cipher suites.

4. NGFW performance is measured with Firewall, IPS, and Application Control enabled.

5. Threat Protection performance is measured with Firewall, IPS, Application Control, and Malware Protection enabled.